

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý tài chính
của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Dầu khí năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí năm 2000 và năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định về Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2015 và thay thế các Nghị định: số 142/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 và số 44/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUY CHẾ****Quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam***(Ban hành kèm theo Nghị định số 06/2015/NĐ-CP**ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ)***Chương I**
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; quản lý vốn của Công ty mẹ đầu tư vào doanh nghiệp khác được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (bao gồm cả người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác) có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác theo quy định của Quy chế này. Đối với những vấn đề chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Căn cứ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này, Công ty mẹ có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế quản lý tài chính đối với công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” là tổ hợp doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân (sau đây gọi tắt là Tập đoàn), bao gồm: Công ty mẹ; các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo; doanh nghiệp thành viên Tập đoàn; doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn.

2. “Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” là doanh nghiệp cấp I trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 và được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Công ty mẹ).

3. "Nước chủ nhà" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
4. "Nhà thầu" là tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được phép tiến hành hoạt động dầu khí trên cơ sở hợp đồng dầu khí.
5. "Tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà" là phần lợi nhuận sau khi nộp các loại thuế được chia cho nước chủ nhà từ các hợp đồng dầu khí.
6. "Tiền lãi dầu, khí được chia của nhà thầu" là phần lợi nhuận sau thuế được chia cho nhà thầu từ các hợp đồng dầu khí.
7. "Chi phí thu hồi dầu, khí" là các khoản chi phí mà Tập đoàn được phép thu hồi tại các hợp đồng dầu khí để bù đắp chi phí sản xuất.
8. "Tiền hoa hồng chữ ký" là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà khi ký hợp đồng dầu khí.
9. "Tiền hoa hồng phát hiện thương mại dầu, khí" là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà sau khi kết quả thăm lượng cho thấy mỏ có giá trị thương mại và nhà thầu tuyên bố phát hiện thương mại.
10. "Tiền hoa hồng sản xuất" là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà tương ứng với từng mức sản lượng khai thác được quy định cụ thể tại hợp đồng dầu khí.
11. "Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí" là khoản tiền nhà thầu phải trả cho Công ty mẹ để được đọc và sử dụng các tài liệu dầu khí có sẵn và tiền sử dụng tài liệu dầu khí mà Công ty mẹ thu được hoặc được chia từ các hợp đồng địa chấn không độc quyền.
12. "Cam kết nghĩa vụ đào tạo" là khoản tiền cam kết của nhà thầu được quy định trong Hợp đồng dầu khí nhằm mục đích đào tạo cán bộ, công nhân viên dầu khí.
13. "Tiền đền bù không thực hiện các cam kết tối thiểu" là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà trong trường hợp nhà thầu chấm dứt hợp đồng dầu khí khi chưa thực hiện hết các cam kết tối thiểu quy định trong hợp đồng.
14. "Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu, khí" là một trong những quỹ tài chính của Công ty mẹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ, một phần lãi dầu, khí nước chủ nhà để bảo đảm nguồn kinh phí cho hoạt động tìm kiếm thăm dò và thăm lượng dầu, khí.

Chương II **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ**

Mục 1 **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY MẸ**

Điều 3. Vốn của Công ty mẹ

Vốn của Công ty mẹ bao gồm vốn do Nhà nước đầu tư tại Công ty mẹ, vốn do Công ty mẹ tự huy động và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật. Công

ty mẹ có trách nhiệm tổ chức hạch toán, theo dõi riêng từng nguồn vốn theo quy định hiện hành.

Điều 4. Vốn điều lệ của Công ty mẹ

1. Vốn điều lệ của Công ty mẹ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2. Công ty mẹ không được giảm vốn điều lệ. Trong quá trình kinh doanh, tùy theo yêu cầu phát triển từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty mẹ theo đề nghị của Bộ Công Thương, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và thẩm định của Bộ Tài chính. Khi điều chỉnh vốn điều lệ, Công ty mẹ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

3. Chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư tại Công ty mẹ thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn của Công ty mẹ cho các tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp Công ty mẹ được Nhà nước giao nhiệm vụ đặc biệt thì phải tập trung vốn và các nguồn lực khác để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ trong việc sử dụng vốn và các quỹ do Công ty mẹ quản lý

1. Công ty mẹ được quyền quản lý và sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn do Nhà nước đã đầu tư, các loại nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động sản xuất kinh doanh với mục tiêu thu lợi nhuận; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của những người liên quan đến Công ty mẹ như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

2. Trường hợp Công ty mẹ tạm thời sử dụng tiền nhàn rỗi các quỹ thuộc phạm vi quản lý để đầu tư và sản xuất kinh doanh thì phải đảm bảo đủ nguồn chi của các quỹ đó khi có nhu cầu sử dụng. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

3. Công ty mẹ trực tiếp quản lý và hạch toán toàn bộ vốn góp của Chính phủ Việt Nam trong Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" theo Hiệp định liên Chính phủ ký ngày 27 tháng 12 năm 2010 và quy định của pháp luật Việt Nam, Công ty mẹ có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn được giao.

4. Công ty mẹ có trách nhiệm bảo toàn vốn nhà nước tại công ty mẹ bằng các biện pháp theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật;

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định hiện hành, gồm:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Mọi biến động về tăng, giảm vốn chủ sở hữu, Công ty mẹ phải báo cáo chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát. Định kỳ 6 tháng, hàng năm doanh nghiệp phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 6. Huy động vốn

1. Công ty mẹ được huy động vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của mình theo hình thức: Phát hành trái phiếu, vay vốn của tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài doanh nghiệp; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu của Công ty mẹ.

3. Việc huy động vốn của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước, công ty mẹ phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật; mức lãi suất vay vốn trong nước tối đa không vượt quá mức lãi suất cho vay cùng thời hạn của ngân hàng thương mại nơi công ty mẹ mở tài khoản giao dịch tại thời điểm vay vốn; trường hợp công ty mẹ mở tài khoản giao dịch ở nhiều ngân hàng thì mức lãi suất huy động vốn trực tiếp tối đa không được vượt quá lãi suất cho vay cao nhất cùng thời hạn của ngân hàng mà công ty mẹ mở tài khoản giao dịch.

4. Việc huy động vốn của các cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vay nợ nước ngoài. Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả; Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của Công ty mẹ và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận.